

Bản án số: 13/2026/DSST

Ngày: 25/3/2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh và ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2025/TLST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 2 năm 2026; quyết định hoãn phiên tòa số 31/2026/QĐST- DS ngày 05 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP T1 (T2); Địa chỉ: D N, phường C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân Hàng TMCP T1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Việt C – Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ Khách hàng cá nhân.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

+ Bà Hồ Thị Thanh N. Chức vụ: trưởng bộ phận Xử lý nợ khách hàng cá nhân - Đội xử lý nợ 3 - Trung tâm Xử lý nợ khách hàng cá nhân - Khối Giám sát tín dụng và xử lý nợ Khách hàng cá nhân T3 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nhan Ngọc L. Chức vụ: Nhân viên Đội xử lý nợ 3 - Trung tâm Xử lý nợ khách hàng cá nhân - Khối Giám sát tín dụng và xử lý nợ Khách hàng cá nhân T3 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Trần Tấn V, sinh năm 1978 và bà Võ Thị Q, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP T1 (T2) và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền lại trong quá trình giải quyết vụ án thì: Căn cứ Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 274/2021/HĐTD/BMT/01 ngày 12/07/2021 Ngân Hàng TMCP T1 (T2) – Chi nhánh Đ - PGĐ Buôn Ma T cho ông Trần Tấn V và bà Võ Thị Q vay số tiền 300.000.000 đồng; Lãi suất áp

dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân là: 10,2%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày trả nợ cuối cùng: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (*) bằng VND của T2 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi vay chậm trả tương ứng với thời gian gian chậm trả, áp dụng khi Khách H không trả đúng hạn tiền lãi vay theo quy định tại Hợp Đồng; Mục đích vay: Vay thanh toán công nợ mua xe ô tô; thời hạn cho vay 60 tháng; Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 14/07/2026; Kỳ hạn trả nợ lãi: 01 tháng/lần vào ngày 12; Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả nợ nhiều lần theo lịch trả nợ do T2 gửi khách hàng, định kỳ 01 tháng/lần.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 274/2021/HĐTD/BMT/01 ngày 12/07/2021, cụ thể: 01 Xe ô tô bán tải MAZDA; Số loại: BT50; Màu: BẠC; Biển kiểm soát: 48C-073.29; Số khung: MM7UR4DD2JW690591; Số máy: P4AT2389690. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 48 002171 do Phòng C1 Công an tỉnh Đ cấp ngày 07/07/2021 đứng tên ông Trần Tấn V.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông V và bà Q đã thanh toán cho T2 số tiền: 230.209.125 đồng, cụ thể trong đó: 160.039.623 đồng tiền gốc và 70.169.502 đồng tiền lãi. Trong quá trình trả nợ vay, ông V và bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Ngân hàng nhiều lần gọi điện đôn đốc, gửi thông báo, đến nhà làm việc và tạo điều kiện cho ông V và bà Q thanh toán nợ nhưng ngân hàng không nhận được sự hợp tác trả nợ từ ông V và bà Q.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V và bà Q thanh toán số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/3/2026 số tiền gốc là 139.960.377 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.944.090 đồng, tiền lãi quá hạn là 22.137.113 đồng và lãi phát sinh cho đến khi ông V và bà Q thanh toán hết các nghĩa vụ cho ngân hàng. Trong trường hợp ông V và bà Q không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông V và bà Q vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Trần Tấn V và bà Võ Thị Q: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP T1: Buộc bị đơn ông Trần Tấn V và bà Võ Thị Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân Hàng TMCP T1 số tiền gốc 139.960.377 đồng, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 25/3/2026 và tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trong trường hợp ông V và bà Q không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho

ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ. Nếu xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông V và bà Q vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân Hàng TMCP T1.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân Hàng TMCP T1 khởi kiện yêu cầu ông Trần Tấn V và bà Võ Thị Q thanh toán khoản vay tín dụng, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Tấn V và bà Võ Thị Q có địa chỉ tại thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập đối với ông Trần Tấn V và bà Võ Thị Q nhưng ông V, bà Q vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 274/2021/HĐTD/BMT/01 ngày 12/07/2021 của Ngân Hàng TMCP T1 cho ông Trần Tấn V và bà Võ Thị Q vay số tiền 300.000.000 đồng; Lãi suất áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân là: 10,2%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày trả nợ cuối cùng: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (*) bằng VND của T2 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi vay chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng khi Khách H không trả đúng hạn tiền lãi vay theo quy định tại Hợp Đồng ; Mục đích vay: vay thanh toán công nợ mua xe ô tô; thời hạn cho vay 60 tháng; Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 14/07/2026; Kỳ hạn trả nợ lãi: 01 tháng/lần vào ngày 12; Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả nợ nhiều lần theo lịch trả nợ do T2 gửi khách hàng, định kỳ 01 tháng/lần. Ông V, bà Q đã được giải ngân đầy đủ.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Tấn V và bà Võ Thị Q nhưng ông V và bà Q không tham gia tố tụng, không có ý kiến cũng như cung cấp các chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Điều 91 BLTTDS quy định:

...

2. *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng*

bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*

Như vậy căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ về phạm vi hoạt động, quy định lãi suất, có ký xác nhận thể hiện sự tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3]. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Sau khi vay, ông Trần Tấn V và bà Võ Thị Q chỉ thanh toán 230.209.125 đồng, cụ thể trong đó: 160.039.623 đồng tiền gốc và 70.169.502 đồng tiền lãi; số dư nợ gốc và lãi còn lại không thanh toán. Xét thấy ông V, bà Q đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và điều khoản chung của ngân hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của Ngân Hàng TMCP T1. Do đó, Ngân Hàng TMCP T1 khởi kiện yêu cầu ông V, bà Q phải thanh toán cho ngân hàng tính đến ngày xét xử ngày 25/3/2026 là 139.960.377 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.944.090 đồng, tiền lãi quá hạn là 22.137.113 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ là có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Về tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay, các bên đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 274/2021/HĐTD/BMT/01 ngày 12/07/2021, cụ thể: 01 Xe ô tô bán tải MAZDA; Số loại: BT50; Màu: BẠC; Biển kiểm soát: 48C-073.29; Số khung: MM7UR4DD2JW690591; Số máy: P4AT2389690. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 48 002171 do Phòng C1 Công an tỉnh Đ (cũ) cấp ngày 07/07/2021 đứng tên ông Trần Tấn V.

Nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp bất động sản phù hợp với quy định tại các Điều 317, Điều 319 BLDS 2015; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, đồng thế chấp phát sinh hiệu lực. Tại biên bản làm việc ngày 23/3/2026 tại Công an xã Đ, tỉnh Lâm Đồng thể hiện: Hiện nay xe ô tô bán tải MAZDA; Số loại: BT50; Màu: BẠC; Biển kiểm soát: 48C-073.29 vẫn đứng tên của ông Trần Tấn V.

Yêu cầu của Ngân Hàng TMCP T1 về xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát: 48C-073.29 trong trường hợp ông V bà Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ và nếu xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông V và bà Q vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2.5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 117, Điều 317, Điều 318, Điều 319 BLDS 2015; các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP T1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bị đơn ông Trần Tấn V và bà Võ Thị Quy .

1. Buộc ông Trần Tấn V và bà Võ Thị Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân Hàng TMCP T1 số tiền 181.041.580 đồng (*Một trăm tám mươi một triệu không trăm bốn mươi một nghìn năm trăm tám mươi đồng*), trong đó tiền gốc là 139.960.377 đồng (*Một trăm ba mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng*), tiền lãi trong hạn là 18.944.090 đồng (*Mười tám triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm chín mươi đồng*), tiền lãi quá hạn là 22.137.113 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm ba mươi bảy nghìn một trăm mười ba đồng*) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/3/2026.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/3/2026) ông V và bà Q vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Trần Tấn V và bà Võ Thị Q không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân Hàng TMCP T1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô số 274/2021/HĐTD/BMT/01 ngày 12/07/2021, cụ thể: 01 Xe ô tô bán tải MAZDA; Số loại: BT50; Màu: BẠC; Biển kiểm soát: 48C-073.29; Số khung: MM7UR4DD2JW690591; Số máy: P4AT2389690. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 48 002171 do phòng C1 Công an tỉnh Đ (cũ) cấp ngày 07/07/2021 đứng tên ông Trần Tấn V để thu hồi nợ.

Nếu xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông V và bà Q vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân Hàng TMCP T1.

3. Về án phí DSST: Ông Trần Tấn V và bà Võ Thị Q phải nộp 9.052.000 đồng (Chín triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí DSST. Trả lại cho Ngân Hàng TMCP T1 4.129.000 đồng (Bốn triệu một trăm hai mươi chín

ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai số 0008856 ngày 19/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Lâm Đồng.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV8-Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng